

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân**

***Đợt 51: Đất nông nghiệp và cây trồng của 16 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức bị ảnh hưởng GPMB khu tái định cư thuộc địa bàn xã Phước Thuận.***

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân thuộc địa bàn huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;*

*Căn cứ Quyết định số 3798/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Chủ tịch*

UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Khu tái định cư xã Phước Thuận phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 35/TTr-BQLGT ngày 06/01/2023 và Biên bản cuộc họp ngày 06/01/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức bị ảnh hưởng GPMB khu tái định cư xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước phục vụ dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân, với nội dung chính như sau:

**1.** Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Cho 16 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng GPMB thuộc địa bàn xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là: **4.073.892.000 đồng** (Bốn tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	3.986.196.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về đất:	3.736.145.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:	66.829.000 đồng;
+ Hỗ trợ ổn định đời sống:	183.222.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	79.724.000 đồng;
- Chi phí dự phòng cưỡng chế:	7.972.000 đồng.

**2. Nguồn vốn chi trả:** Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 35/TTr-BQLGT ngày 06/01/2023 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

**Điều 2.** Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân, tổ chức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân**

**Đợt 51: Đất nông nghiệp và cây trồng của 16 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức bị ảnh hưởng GPMB khu TĐC thuộc địa bàn xã Phước Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	
<b>A</b>	<b>Các hộ gia đình cá nhân bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (2 hộ)</b>										
1	Nguyễn Thành Long, vợ Phạm Thị Lý	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	415	1.614,5	134,1	1.480,4	39.036.000	603.000	-	<b>39.639.000</b>
2	Phạm Thị Kỳ, con Võ Văn Chương ĐDKK	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	568	1.626,6	163,0	1.463,6	47.449.000	734.000	-	<b>48.183.000</b>
<b>B</b>	<b>Các hộ gia đình cá nhân bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (4 hộ)</b>										
3	Nguyễn Trung Thành, vợ Hồ Thị Mỹ Dung	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	596	1.653,7	518,9	1.134,80	151.052.000	2.335.000	6.318.000	<b>159.705.000</b>
4	Nguyễn Quang Niệm, vợ Nguyễn Thị Tâm(chết)	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	417	1.455,2	249,8	1.205,4	72.716.000	1.124.000	6.318.000	<b>80.158.000</b>
5	Nguyễn Ngọc Ân, vợ Trần Thị Xê	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	468	613,7	613,7	-	178.648.000	2.762.000	15.795.000	<b>197.205.000</b>
6	Nguyễn Thanh Hải, vợ Đỗ Thị Ngọc	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	469	1.270,5	908,5	362,0	264.465.000	4.088.000	7.371.000	<b>275.924.000</b>
<b>C</b>	<b>Các hộ gia đình cá nhân bị thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (4 hộ)</b>										
7	Trần Thị Thanh	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	538	495,0	495,0	-	144.095.000	2.228.000	10.530.000	<b>156.853.000</b>
8	Nguyễn Bá Cần (chết), vợ Đặng Thị Minh Hương, con Nguyễn Văn Lành ĐDKK	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	580	269,4	269,4	-	434.292.000	6.714.000	25.272.000	<b>466.278.000</b>
			10	581	962,2	962,2					

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	
								Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
			10	904	260,3	260,3						
9	Võ Thị Kim Dung, chồng Nguyễn Hữu Bằng (chết)	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	511	1.015,0	1.015,0	-	295.467.000	4.568.000	16.848.000	<b>316.883.000</b>	
10	Huỳnh Văn Đợi	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	549	1.215,2	1.215,2	-	353.745.000	5.468.000	10.530.000	<b>369.743.000</b>	
<b>D</b>	<b>Các hộ gia đình cá nhân bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (5 hộ)</b>											
11	Lê Thị Vân (chết), cháu Lê Văn Phúc ĐDKK	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	905	491,7	491,7	-	143.134.000	2.213.000	16.848.000	<b>162.195.000</b>	
12	Nguyễn Văn Thống, vợ Võ Thị Nhị	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	612	2.200,7	2.200,7	-	640.624.000	9.903.000	25.272.000	<b>675.799.000</b>	
13	Nguyễn Hồng Quang	Thôn Phở Trạch, xã Phước Thuận	10	510	628,2	628,2	-	182.869.000	2.827.000	16.848.000	<b>202.544.000</b>	
14	Trương Thị Trước	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	490	1.482,8	1.482,8	-	431.643.000	6.673.000	21.060.000	<b>459.376.000</b>	
15	Phạm Thị Hòa	46 Nguyễn Lữ, TP Quy Nhơn	10	567	486,9	486,9	-	141.737.000	2.191.000	4.212.000	<b>148.140.000</b>	
<b>E</b>	<b>Đất công ích của UBND xã Phước Thuận quản lý (1 hộ và 1 tổ chức)</b>											
16	Ngô Thanh Minh	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận	10	845	3.567,4	2.755,1	812,3	-	12.398.000	-	<b>12.398.000</b>	
17	UBND xã Phước Thuận	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận						215.173.000	-	-	<b>215.173.000</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1 + 2 + .... + 17)</b>					<b>21.309,0</b>	<b>14.850,5</b>	<b>6.458,5</b>	<b>3.736.145.000</b>	<b>66.829.000</b>	<b>183.222.000</b>	<b>3.986.196.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)</b>										<b>79.724.000</b>	
<b>III</b>	<b>Chi phí dự phòng cưỡng chế (II x 10%)</b>										<b>7.972.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>										<b>4.073.892.000</b>	